



DANH SÁCH VIÊN CHỨC NHÀ GIÁO TRƯỜNG MẦM NON MỸ HẢO SỐ 1
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 12/8/2026 của UBND phường Mỹ Hào)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (đánh dấu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được tuyển dụng CC-VC (đánh dấu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được bổ nhiệm vào ngạch CC-VC (đánh dấu ' trước ngày)	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương hiện hưởng	Hệ số phụ cấp chức vụ	Chức vụ, chức danh công việc vị trí việc làm	Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (Ghi theo bảng tốt nghiệp về trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo)				Trình độ đào tạo sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ, Chuyên khoa)		Thời điểm ký hợp đồng lao động (chỉ ghi đối với loại lao động làm chuyên môn)	Ghi chú
										Trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Loại hình đào tạo	Nơi đào tạo (Trường đào tạo)	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Đặng Thị Huế	13/10/1973	01/5/2006	01/10/2006	GVMN hạng II	V.07.02.25	3,99	0,5	Hiệu trưởng	Đại học	GVMN	Từ xa	ĐHSP Hà Nội				
2	Trần Thị Phương Châm	12/02/1980	25/02/2011	01/5/2012	GVMN hạng II	V.07.02.25	3,66	0,35	Phó Hiệu trưởng	Đại học	GVMN	Từ xa	ĐHSP Hà Nội				
3	Nguyễn Thị Nhân	23/07/1980	01/09/2006	01/12/2023	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	3,96	0,5	Phó Hiệu trưởng	Đại học	GDMN	Từ xa	Trường Đại học sư phạm Hà Nội				
4	Nguyễn Thị Sang	07/9/1975	07/2/2014	07/2/2014	GVMN hạng III	V.07.02.26	4,27	0,35	Giáo viên	Đại học	GVMN	Vừa học vừa làm	Đại học Quốc Gia Hà Nội				
5	Trần Thị Hồng	16/12/1986	07/2/2014	07/2/2014	GVMN hạng II	V.07.02.25	3,99		Giáo viên	Đại học	GVMN	Từ xa	ĐH Sư phạm Hà Nội				
6	Đặng Thị An	06/11/1992	01/11/2015	01/11/2016	GVMN hạng III	V.07.02.04	2,72		Giáo viên	Đại học	GVMN	Chính quy	Đại học Trà Vinh				
7	Đàm Thị Hồng Liên	17/10/1981	01/9/2011	01/9/2012	GVMN hạng II	V.07.02.25	3,66	0.20	Giáo viên	Đại học	GVMN	Từ xa	Đại học Sư Phạm Hà Nội I				
8	Nguyễn Thị Thu Thủy	26/06/1986	07/02/2014	07/02/2014	GVMN hạng II	V.07.02.25	3,66	0.20	Giáo viên	Đại học	GVMN	Từ xa	Đại học Sư Phạm Hà Nội I				
9	Đào Thị Thu Hà	11/07/1982	0702/2014	07/02/2014	GVMN hạng II	V.07.02.25	4,32		Giáo viên	Đại học	GVMN	Từ xa	Đại học Sư Phạm Hà Nội I				
10	Phạm Thị Nhung	03/10/1979	01/9/2011	01/9/2012	GVMN hạng II	V.07.02.25	3,66	0.20	Giáo viên	Đại học	GVMN	Từ xa	Đại học Sư Phạm Hà Nội I				
11	Trần Thị Vui	4/02/1988	07/2/2014	07/02/2014	GVMN hạng II	v.07.02.25	3,66		Giáo viên	Đại Học	GVMN	Từ xa	Đại học Sư Phạm Hà Nội I				
12	Nguyễn Thị Tươi	24/06/1974	07/2/2014	07/02/2014	GVMN hạng II	V07.02.25	3,66		Giáo viên	Đại học	GVMN	Từ xa	Đại học Sư Phạm Hà Nội I				
13	Nguyễn Thị Duyên	28/09/1990	01/11/2015	01/11/2016	GVMN hạng III	V07.02.04	3,03		Giáo viên	Đại học	GVMN	Chính quy	Đại học Trà Vinh				
14	Lê Thị Lan Phương	04/10/1985	07/02/2014	07/02/2014	GVMN hạng II	V.07.02.25	3,99	0.20	Giáo viên	Đại học	GVMN	Từ xa	ĐH Sư phạm Hà Nội I				
15	Nguyễn Thị Quyên	06/05/1974	01/5/2011	01/05/2012	GVMN hạng III	V.07.02.06	3.34		Giáo viên	Đại học	GVMN	VH-VL	ĐHSP Hà Nội				

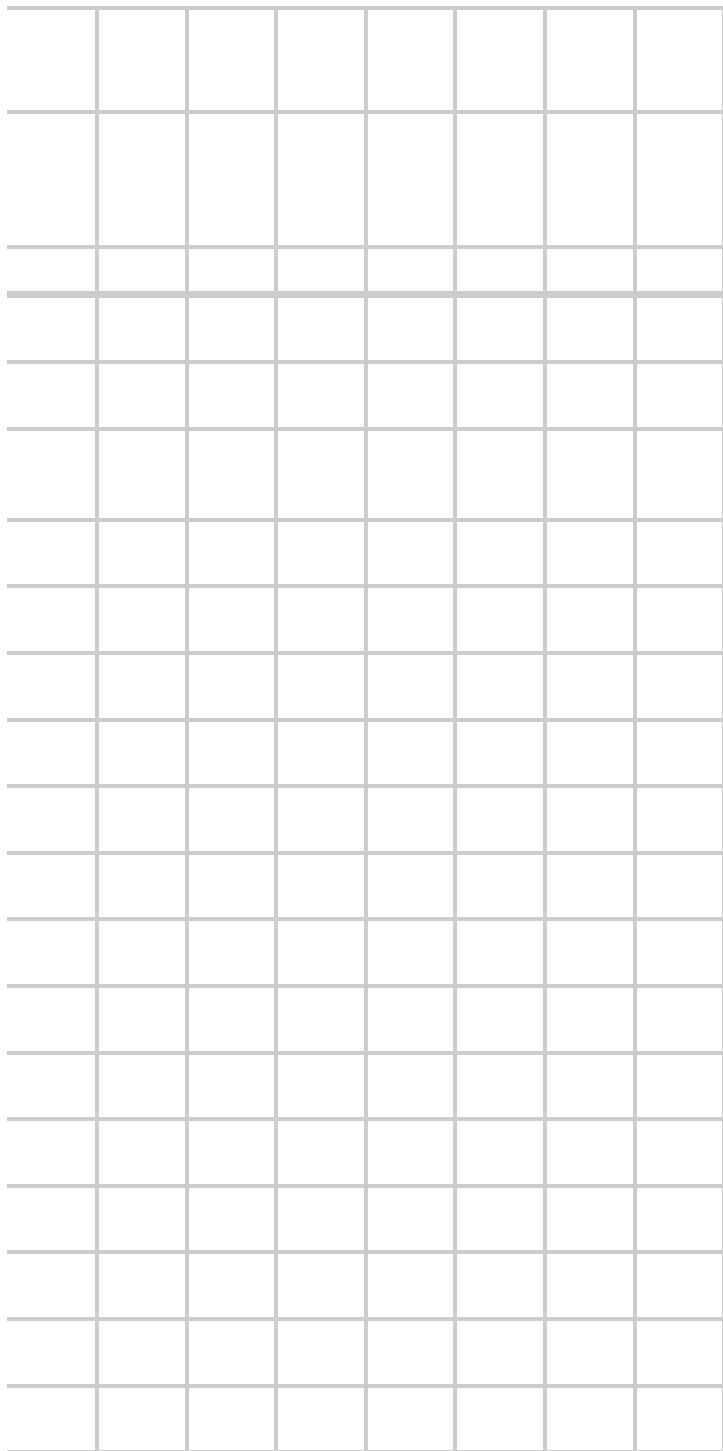
TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (dấu đầu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được tuyển dụng CC-VC (dấu đầu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được bổ nhiệm vào ngạch CC-VC (dấu đầu ' trước ngày)	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương hiện hưởng	Hệ số phụ cấp chức vụ	Chức vụ, chức danh công việc vị trí việc làm	Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (Ghi theo bảng tốt nghiệp về trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo)				Trình độ đào tạo sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ, Chuyên khoa)		Thời điểm ký hợp đồng lao động (chỉ ghi đối với loại lao động hợp đồng làm chuyên môn)	Ghi chú
										Trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Loại hình đào tạo	Nơi đào tạo (Trường đào tạo)	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
16	Trần Thị Thủy	20/11/1985	01/9/2011	01/9/2012	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,34		Giáo viên	Đại học	GVMN	VH-VL	ĐHSP Hà Nội				
17	Lê Thị Thìn	08/06/1976	07/02/2014	07/02/2014	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,34		Giáo viên	Đại học	GVMN	VH-VL	ĐHSP Hà Nội II				
18	Trần Thị Thu Hương	18/09/1989	01/9/2011	01/9/2012	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,34		Giáo viên	Đại học	GVMN	VL-VH	ĐH Quốc Gia HN				
19	Nguyễn Thị Lan Hương	27/02/1980	07/02/2014	07/02/2014	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,34		Giáo viên	Đại học	GVMN	Chính quy	Đại học Trà Vinh				
20	Đặng Thị Mai Giang	16/08/1992	07/02/2014	07/08/2014	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,03		Giáo viên	Đại học	GVMN	Chính quy	Đại học Trà Vinh				
21	Vũ Thị Ánh Diệp	04/08/1990	07/02/2014	07/08/2014	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,03		Giáo viên	Đại học	GVMN	Chính quy	Đại học Trà Vinh				
22	Nguyễn Thu Nhân	12/4/1984	07/02/2014	07/8/2014	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,03		Giáo viên	Đại học	GVMN	Chính quy	Đại học Trà Vinh				
23	Nguyễn Thị Hạnh	06/6/1989	01/2/2015	01/10/2015	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,03		Giáo viên	Đại học	GVMN	VH-VL	ĐHSP HN2				
24	Đặng Thị Hoa	03/04/1970	07/2/2014	07/02/2014	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,34		Giáo viên	Cao đẳng	GVMN	Chính quy	Cao đẳng Hải Dương				
25	Đặng Thị Tám	23/04/1984	07/02/2014	07/08/2014	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,03		Giáo viên	Đại học	GVMN	Chính quy	Đại học Trà Vinh				
26	Vũ Thị Hằng	10/04/1987	07/02/2014	07/02/2014	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,34		Giáo viên	Đại học	GVMN	Chính quy	Đại Học Trà Vinh				
27	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	10/01/1992	01/11/2015	01/11/2016	GVMN hạng III	V.07.02.05	3,03		Giáo viên	Đại học	GVMN	Chính Quy	ĐH văn hoá thể thao và du lịch Thanh Hoá				
28	Nguyễn Xuân Cúc	26/01/1988	07/02/2014	07/2/2014	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,03		Giáo viên	Cao đẳng	GVMN	Chính quy	Cao đẳng Hải Dương				
29	Vũ Thúy Hòa	06/09/1981	07/02/2014	07/02/2014	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,03		Giáo viên	Đại học	GVMN	VH-VL	ĐHSP Hà Nội II				
30	Nguyễn Thị Tổ Uyên	05/8/1990	01/7/2014	01/7/2015	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,03		Giáo viên	Đại học	GVMN	VL-VH	ĐH Quốc Gia HN				
31	Chu Thị Vân	20/08/1990	01/11/2015	01/5/2016	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GVMN	VL-VH	ĐHSP Hà Nội 1				
32	Vũ Thị Hằng	20/05/1989	01/11/2015	01/5/2016	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GVMN	VL-VH	ĐH Quốc Gia HN				
33	Nguyễn Thị Tú	16/09/1987	01/11/2015	01/11/2016	GVMN hạng III	V07.02.05	3,03		Giáo viên	Đại học	GVMN	VL-VH	ĐH Quốc Gia HN				

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (dấu đầu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được tuyển dụng CC-VC (dấu đầu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được bổ nhiệm vào ngạch CC-VC (dấu đầu ' trước ngày)	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương hiện hưởng	Hệ số phụ cấp chức vụ	Chức vụ, chức danh công việc vị trí việc làm	Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (Ghi theo bảng tốt nghiệp về trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo)				Trình độ đào tạo sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ, Chuyên khoa)		Thời điểm ký hợp đồng lao động (chỉ ghi đối với loại lao động hợp đồng làm chuyên môn)	Ghi chú
										Trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Loại hình đào tạo	Nơi đào tạo (Trường đào tạo)	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
34	Chu Thị Hường	18/07/1987	01/11/2015	01/5/2016	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GVMN	VL-VH	ĐH SP Hà Nội				
35	Vương Thị Thắm	25/10/1988	01/11/2015	01/5/2016	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GVMN	VH-VL	ĐHSPHN				
36	Chu Thị Lân	22/10/1988	01/11/2015	01/5/2016	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GVMN	VL-VH	ĐH Quốc Gia HN				
37	Phạm Thị Mến	01/01/1992	01/11/2015	01/05/2016	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GVMN	VL-VH	ĐH Quốc Gia HN				
38	Nguyễn Thị Thuý	18/11/1994	01/11/2015	14/10/2016	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GVMN	VH-VL	ĐH Trà Vinh				
39	Nguyễn Thị Duyên	02/09/1994	01/11/2015	01/5/2016	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GVMN	VL-VH	ĐH Quốc Gia HN				
40	Đinh Thị Thuý Hường	01/01/1995	01/11/2015	01/8/2016	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GVMN	VL-VH	ĐH Quốc Gia HN				
41	Lãnh Thị Giang	29/07/1990	01/11/2015	01/11/2016	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GVMN	VL-VH	ĐH Quốc Gia HN				
42	Phạm Thị Thúy	11/06/1990	01/10/2017	01/4/2018	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GVMN	Chính Quy	ĐH văn hoá thể thao và du lịch Thanh Hoá				
43	Phạm Minh Thùy	12/11/1991	01/11/2015	01/5/2016	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GVMN	VH-VL	ĐH Quốc Gia HN				
44	Trần Thị Thu Thùy	26/04/1993	01/11/2015	01/11/2016	GVMN hạng III	V.07.02.05	2,72		Giáo viên	Cao đẳng	GVMN	Chính qui	Cao đẳng sư phạm Trung Ương				
45	Nguyễn Thùy Dương	12/10/1994	01/11/2015	01/11/2016	GVMN hạng III	V.07.02.05	3,03		Giáo viên	Đại học	GVMN	Chính quy	ĐH văn hoá thể thao và du lịch Thanh Hoá				
46	Đặng Thị Ngọc Bích	19/02/1995	01/11/2015	01/5/2016	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GVMN	VL-VH	ĐH Quốc Gia HN				
47	Vũ Thị Thu Hường	11/03/1998	05/9/2019	01/6/2020	GVMN hạng III	V.07.02.05	2,41		Giáo viên	Đại học	GVMN	VL-VH	ĐH Quốc Gia HN				
48	Nguyễn Thị Huyền	08/12/1983	01/10/2017	01/4/2018	GVMN hạng III	V.07.02.05	2,41		Giáo viên	Đại học	GVMN	Chính quy	ĐH văn hoá thể thao và du lịch Thanh Hoá				
49	Nguyễn Thuý Dương	17/09/1994	01/10/2017	01/04/2018	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GVMN	Chính quy	ĐH văn hoá thể thao và du lịch Thanh Hoá				
50	Vũ Thị Thanh Mai	02/01/1987	01/10/2017	01/4/2018	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GVMN	Chính quy	ĐH văn hoá thể thao và du lịch Thanh Hoá				
51	Trịnh Thị Liên	24/08/1994	01/3/2024	01/3/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,1		Giáo viên	Cao đẳng	GVMN	Chính Quy	CĐ Vĩnh Phúc				

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (dấu đầu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được tuyển dụng CC-VC (dấu đầu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được bổ nhiệm vào ngạch CC-VC (dấu đầu ' trước ngày)	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương hiện hưởng	Hệ số phụ cấp chức vụ	Chức vụ, chức danh công việc vị trí việc làm	Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (Ghi theo bảng tốt nghiệp về trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo)				Trình độ đào tạo sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ, Chuyên khoa)		Thời điểm ký hợp đồng lao động (chỉ ghi đối với loại lao động hợp đồng làm chuyên môn)	Ghi chú
										Trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Loại hình đào tạo	Nơi đào tạo (Trường đào tạo)	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
52	Nguyễn Hương Quỳnh	11/03/2002	01/3/2024	17/01/2025	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,1		Giáo viên	Cao đẳng	GVMN	Chính quy	CĐ Cộng đồng HY				
53	Nguyễn Thu Trà	20/9/2002	01/3/2024	17/01/2025	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,1		Giáo viên	Cao đẳng	GVMN	Chính quy	CĐ Cộng đồng HY				
54	Nguyễn Lê Mỹ	13/03/1989	07/02/2014	01/12/2023	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	3,34	0,35	Giáo viên	Đại học	GDMN	Chính quy	Trường ĐH Trà Vinh				
55	Đặng Thị Diệp	29/11/1986	07/02/2014	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,34	0,35	Giáo viên	Đại học	GDMN	Vừa làm vừa học	Trường Đại học sư phạm Hà Nội 2				
56	Trần Thị Hồng Gấm	21/07/1992	01/11/2015	01/12/2023	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	3,03		Giáo viên	Đại học	GDMN	Vừa làm vừa học	Trường ĐH Trà Vinh				
57	Dương T.Quỳnh Trang	10/12/1991	17/11/2014	27/02/2026	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,03		Giáo viên	Đại học	GVMN	Vừa làm vừa học	Trường ĐH sư phạm Hà Nội				
58	Nguyễn Thị Oanh	24/04/1984	07/02/2014	01/12/2023	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	3,96		Giáo viên	Đại học	GDMN	Vừa làm vừa học	Đại học QGHN				
59	Vũ Thị Kim Ngân	23/11/1985	01/11/2015	01/11/2016	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	3,03		Giáo viên	Đại học	GDMN	Chính quy	Trường ĐH Trà Vinh				
60	Vũ Thị Phượng	28/09/1987	07/02/2014	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,65	0,2	Giáo viên	Đại học	GDMN	Chính quy	Trường ĐH văn hoá, thể thao và du lịch Thanh Hoá				
61	Nguyễn T.Thẩm Huệ	14/05/1985	07/02/2014	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,65	0,2	Giáo viên	Đại học	GVMN	Vừa làm vừa học	Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội				
62	Nguyễn T. Hoa Huệ	12/06/1986	07/02/2014	01/12/2020	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,65		Giáo viên	Đại học	GDMN	Chính quy	Trường đại học văn hóa, thể thao và du lịch Thanh Hóa				
63	Bì Thị Hồng Anh	15/12/1997	01/10/2017	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại Học	GDMN	Chính quy	Trường ĐH Văn hóa, thể thao và du lịch Thanh Hoá				
64	Ngô Thị Hà	23/08/1992	01/10/2017	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GDMN	Chính quy	Trường đại học văn hóa, thể thao và du lịch Thanh Hóa				
65	Nguyễn Thị Thẩm	22/11/1990	07/02/2014	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,03		Giáo viên	Đại Học	GDMN	Vừa học vừa làm	Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội				
66	Vũ Thị Thùy Dung	08/12/1987	07/02/2014	01/12/2020	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,65	0,2	Giáo viên	Đại học	GDMN	Chính quy	Đại học văn hóa thể thao và du lịch Thanh Hóa				
67	Ngô Thị Hoa	14/07/1988	01/10/2017	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo Viên	Đại Học	GDMN	Vừa làm vừa học	ĐHSP ĐH Thái Nguyên				
68	Phạm Thị Phương	06/12/1992	01/03/2024	01/04/2024	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,1		Giáo viên	Cao đẳng	GDMN	Chính quy	Cao đẳng Hải Dương				

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh (đánh dấu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được tuyển dụng CC-VC (đánh dấu ' trước ngày)	Ngày, tháng, năm được bổ nhiệm vào ngạch CC-VC (đánh dấu ' trước ngày)	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương hiện hưởng	Hệ số phụ cấp chức vụ	Chức vụ, chức danh công việc vị trí việc làm	Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (Ghi theo bảng tốt nghiệp về trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo)				Trình độ đào tạo sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ, Chuyên khoa)		Thời điểm ký hợp đồng lao động (chỉ ghi đối với loại lao động hợp đồng làm chuyên môn)	Ghi chú
										Trình độ đào tạo	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Loại hình đào tạo	Nơi đào tạo (Trường đào tạo)	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
69	Nguyễn Thị Thanh	25/12/1990	01/10/2017	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GDMN	Vừa làm vừa học	Đại học sư phạm Đại học Thái Nguyên				
70	Nguyễn Thị Lan	11/03/1988	07/02/2014	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,34		giáo viên	Đại học	GDMN	Vừa học vừa làm	Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội				
71	Vũ Thị Minh Thuyết	30/09/1985	05/09/2019	05/09/2019	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72	0,2	Giáo viên	Đại học	GDMN	Vừa làm vừa học	Đại học QGHN				
72	Vũ Thị Bích Thủy	06/04/1987	01/11/2015	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GDMN	Vừa làm vừa học	ĐHSP ĐH Thái Nguyên				
73	Nguyễn Thị Hoàng Yến	05/11/1993	01/12/2025	01/12/2025	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,72		Giáo viên	Đại học	GVMN	Chính quy	Đại học văn hóa, thể thao và du lịch Thanh Hóa				
74	Nguyễn Thu Hậu	17/10/1998	11/03/2022	17/01/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,41		Giáo viên	Đại học	GVMN	Vừa học vừa làm	Đại học sư phạm Thái Nguyên				
75	Phạm Thị Hồng	10/05/1995	05/09/2019	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,41		Giáo viên	Đại học	GVMN	Vừa học vừa làm	Đại học sư phạm Thái Nguyên				
76	Vũ Thị Mến	27/06/1975	07/02/2014	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,03		Giáo viên	Đại học	GDMN	Vừa làm vừa học	ĐHSP Thái Nguyên				
77	Đặng Thị Giang	11/04/1994	01/12/2025	01/12/2025	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,41		Giáo viên	Đại học	GVMN	Vừa làm vừa học	Đại học Trà Vinh				
78	Nguyễn Thị Liễu	19/09/1969	07/02/2014	01/12/2020	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,65		Giáo viên	Cao đẳng	GVMN	Chính quy	Cao đẳng Vĩnh Phúc				
79	Đỗ Thị Phương Thúy	27/071995	01/12/2025	01/12/2025	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,1		Giáo viên	Cao đẳng	GVMN	Chính Quy	Cao đẳng Sư Phạm Hưng Yên				
80	Lê Thị Thu Hòa	18/10/1991	01/03/2024	06/01/2025	GVMN hạng III	V.07.02.26	2,41		Giáo viên	Đại học	GDMN	Vừa làm vừa học	Đại học sư phạm Thái Nguyên				
81	Chu Thị Dung	30/12/1977	07/02/2014	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,65		Giáo viên	Đại học	GDMN	Chính Quy	Đại học sư phạm Thái Nguyên				
82	Vương Thị Yến	18/05/1990'	1/2/1014	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3.34		Giáo Viên	Đại học	GDMN	Chính Quy	Trường thể thao và du lịch thanh hóa				
83	Vương Thị Ngoan	20/08/1988	07/02/2014	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,03		Giáo Viên	Đại Học	GVMN	Chính Quy	Trường ĐH văn hoá, thể thao và du lịch Thanh Hoá				
84	Trịnh Thị Thu Hương	13/01/1975	15/05/2015	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	3,03		Giáo Viên	Đại Học	GVMN	Vừa làm vừa học	ĐHSP ĐH Thái Nguyên				
85	Vũ Thị Sen	10/11/1979	07/02/2014	01/12/2023	GVMN hạng III	V.07.02.26	4,27		Giáo viên	Cao Đẳng	GVMN	Chính Quy	Cao Đẳng Vĩnh Phúc				

[illegible]



[illegible]